



# Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Lào

---

*Thực trạng và xu hướng*

**Tô Xuân Phúc (Forest Trends)**

**Nguyễn Tôn Quyền (VIFORES)**

**Huỳnh Văn Hạnh (HAWA)**

**Trần Lê Huy (FPA Bình Định)**

**Cao Thị Cẩm (VIFORES)**

*Tháng 4 năm 2016*

## Lời cảm ơn

Báo cáo là sản phẩm hợp tác của Tổ chức Forest Trends, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định). Báo cáo có một phần hỗ trợ về mặt tài chính của Cơ quan Hợp tác Phát triển Vương quốc Anh (DFID). Các phân tích trong Báo cáo chủ yếu được dựa trên nguồn số liệu gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam được thống kê bởi Tổng cục Hải Quan của Việt Nam. Các kết quả chính của Báo cáo đã được trình bày tại Hội thảo Quốc gia *Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu: Thực trạng và xu hướng* tại Hà Nội ngày 4 tháng 4 năm 2016. Nhóm tác giả xin trân thành cảm ơn các ý kiến đóng góp của các chuyên gia tham gia Hội thảo. Các quan điểm trong Báo cáo là của các tác giả và không phản ánh quan điểm của các tổ chức nơi các tác giả đang làm việc hay tổ chức tài trợ cho việc thực hiện Báo cáo này.

## Contents

<b>1. Giới thiệu</b> .....	<b>3</b>
<b>2. Một số nét chung</b> .....	<b>3</b>
<b>3. Việt Nam nhập khẩu tròn từ Lào</b> .....	<b>4</b>
3.1. Một số nét chung .....	4
3.2. Các loại gỗ quan trọng được nhập khẩu.....	4
3.3. Các loại gỗ tròn nhóm 1-2 nhập khẩu từ Lào.....	11
<b>4. Việt Nam nhập khẩu gỗ xẻ từ Lào</b> .....	<b>15</b>
4.1. Một số nét chung .....	15
4.2. Nhập khẩu các loại gỗ quý từ Lào. ....	16
<b>5. Các cửa khẩu nhập khẩu gỗ từ Lào vào Việt Nam</b> .....	<b>21</b>
5.1. Một số nét chung .....	21
5.2. Các cửa khẩu nhập khẩu chính .....	22
<b>6. Kết luận</b> .....	<b>24</b>

## 1. Giới thiệu

Trong thập kỷ gần đây quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Lào ngày càng phát triển mạnh mẽ, với nhiều chủng loại hàng hóa và dịch vụ được thông thương giữa 2 quốc gia. Bình quân, tổng giá trị thương mại giữa Việt Nam và Lào đạt khoảng 2 tỷ USD/năm.<sup>1</sup> Trong các mặt Việt Nam nhập khẩu từ Lào, gỗ tròn (mã Hải quan HS 4403) và gỗ xẻ (HS 4407) sau đây được gọi là gỗ nguyên liệu là những nhóm mặt hàng quan trọng nhất. Trong nhóm 4403 (gỗ và các mặt hàng gỗ) bao gồm các sản phẩm là gỗ cây dạng thô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc dác gỗ đẽo vuông thô. Nhóm này bao gồm 12 loại sản phẩm khác nhau. Trong nhóm 4407 bao gồm các sản phẩm gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã hoặc chưa bào, chà nhám hoặc ghép đầu, có độ dày trên 6 mm. Nhóm này bao gồm 32 loại sản phẩm khác nhau. Chi tiết các sản phẩm thuộc nhóm 4403 và 4407 có thể tham khảo tại website của Tổng cục Hải quan.<sup>2</sup>

Báo cáo này mô tả thực trạng và xu hướng của nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam. Báo cáo sử dụng nguồn dữ liệu gỗ nhập khẩu được thống kê bởi Tổng cục Hải quan của Việt Nam, kết hợp với nguồn thông tin thu thập thông quan trao đổi với một số công ty trực tiếp tham gia nhập khẩu, và các công ty/ nhân sử dụng nguồn gỗ nhập khẩu từ Lào nhằm phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu. Báo cáo cũng có sự tham vấn với đại diện của các Hiệp hội gỗ trong cả nước. Báo cáo tập trung vào các khía cạnh như khối lượng và giá trị kim ngạch nhập khẩu, các loài gỗ nhập khẩu và các cửa khẩu chính sử dụng trong nhập khẩu.

Báo cáo được chia làm 6 phần chính. Phần 2 mô tả các nét chính trong nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Lào vào Việt Nam. Phần 3 tập trung phân tích vào nguồn gỗ tròn nhập khẩu; Phần 4 phân tích nguồn gỗ xẻ. Phần 5 đưa ra một số thông tin có liên quan đến các cửa khẩu nhập khẩu, bao gồm đặc điểm và sự khác nhau đối với các loài gỗ nhập khẩu trong các cửa khẩu. Dựa trên kết quả của các phần này, Phần 6 đưa ra một số kết luận và kiến nghị về chính sách.

## 2. Một số nét chung

Khối lượng và giá trị nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Lào vào Việt Nam giai đoạn 2013-2015 được mô tả trong Bảng 1. Xu hướng thay đổi về lượng và giá trị nhập khẩu được thể hiện qua Hình 1 và 2.

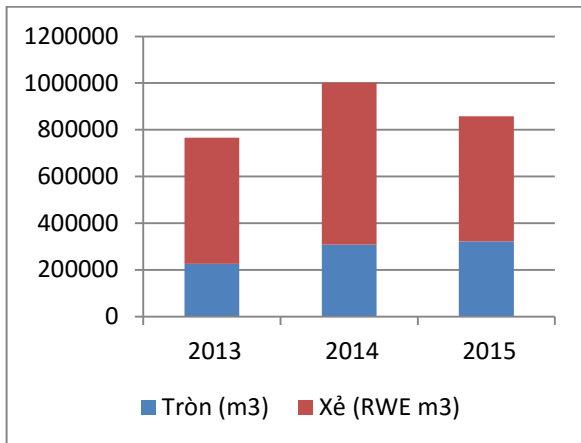
Bảng 1. Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Lào vào Việt Nam

Năm	Gỗ tròn		Gỗ xẻ	
	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)
2013	225.800	134,4	385.500	319,8
2014	308.600	149,5	495.100	410,0
2015	321.700	109,3	383.100	239,2

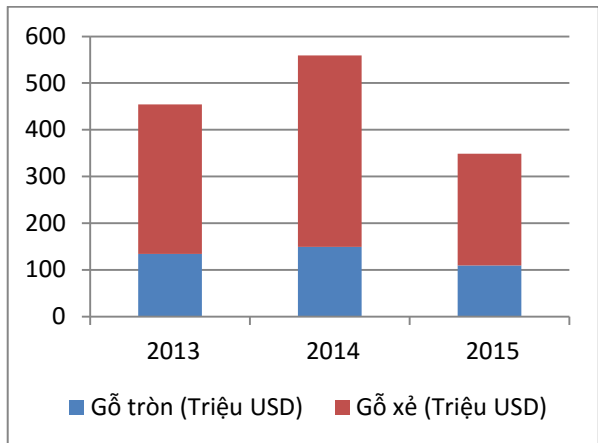
<sup>1</sup> <http://www.tienphong.vn/the-gioi/viet-lao-dua-thuong-mai-hai-chieu-len-2-ty-usd-909274.tpo>

<sup>2</sup> Chi tiết các sản phẩm trong nhóm 4403 này có thể tra cứu tại website: <http://customs.gov.vn/SitePages/Tariff.aspx?portlet=Structure&tariff=4403&language=vi-VN>. Nhóm 4407 bao gồm các sản phẩm gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã hoặc chưa bào, chà nhám hoặc ghép nổi đầu, có độ dày trên 6 mm. Nhóm này bao gồm 32 loại sản phẩm khác nhau. Chi tiết các sản phẩm thuộc nhóm này có thể tra cứu tại website: <http://customs.gov.vn/SitePages/Tariff.aspx>

Hình 1. Lượng gỗ nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam



Hình 2 Giá trị gỗ nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam



Năm 2015 Việt Nam nhập khoảng 858.000 m3 gỗ nguyên liệu quy tròn từ Lào, tương đương với 348,5 triệu USD về kim ngạch nhập khẩu. Các con số của năm 2014 là 1 triệu m3 gỗ quy tròn và 559,5 triệu USD kim ngạch.

Khối lượng và kim ngạch gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam năm của 2015 giảm so với năm 2014. Sụt giảm về lượng nhập trong năm 2015 chủ yếu là do giảm về lượng gỗ xẻ.

Bình quân mỗi năm Việt Nam nhập khoảng trên 70 loại gỗ khác nhau từ Lào. Phần 3 dưới đây sẽ tập trung vào nguồn gỗ tròn của Lào nhập khẩu vào Việt Nam.

### 3. Việt Nam nhập khẩu tròn từ Lào

#### 3.1. Một số nét chung

Bình quân mỗi năm Việt Nam nhập trên 300.000 m3 gỗ tròn từ Lào, tương đương với khoảng trên 100 triệu USD về kim ngạch. Bảng 2 thể hiện chi tiết lượng và giá trị gỗ tròn nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam giai đoạn 2013-2014.

Bảng 2. Khối lượng và giá trị gỗ tròn nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam 2013-2015

Năm	Lượng nhập (m3)	Giá trị nhập (Triệu USD)
2013	225.800	134,4
2014	308.600	149,5
2015	321.700	109,3

#### 3.2. Các loại gỗ quan trọng được nhập khẩu

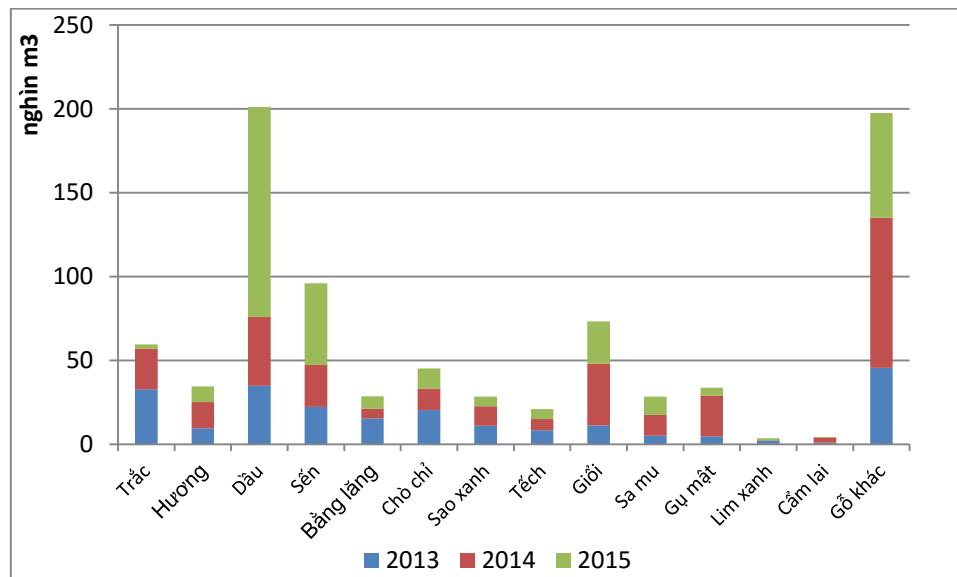
Mỗi năm có tổng số có trên 70 loại gỗ tròn được nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam. Trong số đó có khoảng hơn 30% là các loại gỗ có tên trong nhóm 1-2 theo bảng xếp hạng về các loại gỗ của Việt Nam.<sup>3</sup> Bảng 3 đưa ra thông tin chi tiết về các loại gỗ tròn quan trọng được nhập khẩu trong 3 năm vừa qua. Hình 3 và 4 chỉ ra xu hướng thay đổi về lượng và giá trị nhập khẩu giai đoạn 2013-2015.

<sup>3</sup> Chính phủ Việt Nam áp dụng bảng phân loại các loại gỗ có nguồn gốc từ Việt Nam được chia thành 8 nhóm khác nhau. Thông tin về các loài trong từng nhóm tham khảo tại trang web: <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyet-dinh-2198-CNR-bang-phan-loai-tam-thoi-go-su-dung-thong-nhat-trong-ca-nuoc-42178.aspx>

Bảng 3. Các loài gỗ tròn quan trọng nhập khẩu từ Lào giai đoạn 2013-2015

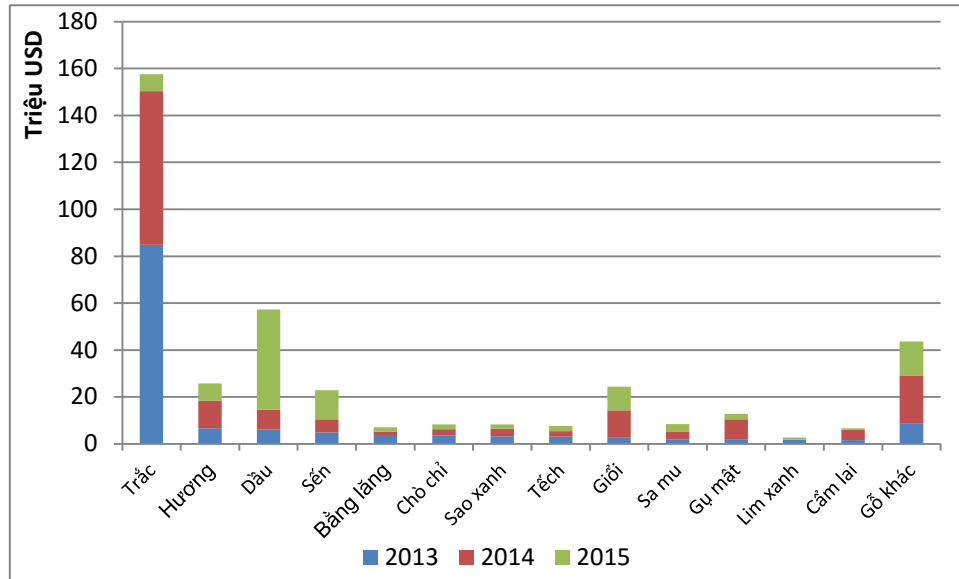
Loại gỗ	2013		2014		2015	
	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)
<b>Tổng số</b>	<b>225.800</b>	<b>134,4</b>	<b>308.600</b>	<b>149,5</b>	<b>321.700</b>	<b>109,3</b>
Trắc	32.900	84,9	24.300	65,5	2.500	7,2
Hương	9.600	6,7	15.700	11,7	9.300	7,4
Dầu	35.000	6,1	41.000	8,4	125.200	42,7
Sến	22.300	4,8	25.100	5,6	48.500	12,5
Bằng lăng	15.500	3,7	5.600	1,4	7.500	1,9
Chò chỉ	20.500	3,7	12.700	2,5	12.000	2,1
Sao xanh	11.000	3,2	11.800	3,4	5.600	1,7
Tếch	8.400	3,0	6.800	2,5	5.900	2,1
Giổi	11.300	2,9	36.900	11,4	25.100	10,2
Sa mu	5.300	1,8	12.300	3,4	10.900	3,2
Gụ mật	4.900	1,7	24.100	8,7	4.900	2,3
Lim xanh	2.400	1,7	140	0,1	1.300	0,9
Cẩm lai	1.000	1,6	2.900	4,3	469	0,7
Gỗ khác <sup>4</sup>	45.700	8,5	89.400	20,7	62.500	14,4

Hình 3. Thay đổi lượng nhập các loại gỗ tròn từ Lào 2013-2015



<sup>4</sup> 58 loại khác nhau

Hình 4. Thay đổi giá trị nhập các loại gỗ tròn từ Lào 2013-2015



Thông tin từ Bảng 3, Hình 3, 4 cho thấy:

- Các loài gỗ quý nhập khẩu có khối lượng và giá trị nhập khẩu tương đối lớn
- Có sự biến động rất lớn về khối lượng và giá trị nhập khẩu, đặc biệt là đối với các loài gỗ thuộc nhóm 1 và 2 (xem chi tiết Bảng 4,5,6,7). Các loài gỗ có mức độ biến động mạnh nhất bao gồm trắc, dầu, sến, dổi và sa mu. Cụ thể khối lượng và giá trị nhập khẩu gỗ trắc giảm rất mạnh, từ gần 33.000 m<sup>3</sup> (gần 85 triệu USD về kim ngạch) năm 2013 xuống còn 2.500 m<sup>3</sup> (7,2 triệu USD) năm 2015.
- Sự sụt giảm về lượng gỗ trắc nhập khẩu một phần là do tác động của Thông tư 37 ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công thương quy định việc tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên từ Lào và Campuchia<sup>5</sup>, và đặc biệt là do quy định mới của Cơ quan CITES Việt Nam có liên quan đến việc hạn chế nhập khẩu gỗ trắc từ Lào.<sup>6</sup>
- Khối lượng và giá trị nhập khẩu đối gỗ dầu, sến, dổi và sa mua đều tăng đáng kể, đặc biệt là gỗ dầu (tăng từ 35.000 m<sup>3</sup> năm 2013 lên 125.000 m<sup>3</sup> năm 2015), sến (từ 22.300 m<sup>3</sup> năm 2013 lên 48.500 m<sup>3</sup> năm 2015).
- Lượng gỗ dầu nhập khẩu tăng đột biến là do nguồn cung gỗ tròn từ Myanmar bị ngừng, do Chính phủ Myanmar có lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn từ tháng tư năm 2014 nhằm gia tăng giá trị cho nguồn gỗ nguyên liệu xuất khẩu.<sup>7</sup> Do mất nguồn cung từ Myanmar, các doanh nghiệp nhập khẩu phải chuyển sang nguồn cung thay thế từ thị trường Lào.

Bảng 4 chỉ ra 10 loại gỗ tròn có lượng nhập khẩu nhiều nhất từ Lào vào Việt Nam trong năm 2015. Lượng nhập các loại gỗ này của các năm trước đó được đưa ra nhằm so sánh. Thông tin trong bảng 4 cho thấy:

<sup>5</sup> Thông tin chi tiết về Thông tư 37 của Bộ Công thương tham khảo tại:

<http://www.customs.gov.vn/Lists/VanBanPhapLuat/ViewDetails.aspx?ID=7903>

<sup>6</sup> Thông tin chi tiết về quy định mới của Cơ quan CITES có liên quan đến gỗ trắc nhập khẩu từ Lào:

<http://baochinhphu.vn/Thi-truong/Tam-dung-cap-giay-phep-CITES-nhap-khau-go-Trac/217843.vgp>

<sup>7</sup> Thông tin về chính sách cấm xuất khẩu gỗ tròn của Myanmar có thể tham khảo tại trang web:

<http://www.reuters.com/article/us-myanmar-forests-idUSBREA2J27K20140320>

- Gỗ đầu đứng đầu trong bảng xếp hạng 10 loại gỗ tròn có lượng nhập lớn nhất năm 2015, tiếp đó là sến và giổi. Lượng nhập 3 loại gỗ này trong năm 2015 lên khoảng 200.000 m<sup>3</sup>, gấp khoảng 3 lần lượng nhập khẩu 7 loại gỗ còn lại trong danh sách 10 loại có lượng nhập lớn nhất.
- Trong 3 loại gỗ có lượng nhập lớn nhất, dầu và sến là 2 loại có lượng nhập khẩu tăng trong giai đoạn 2013-2015 trong khi lượng nhập của gỗ giổi trong giai đoạn này giảm.
- Trong 10 loài gỗ có lượng nhập lớn nhất chỉ có 3 loại gỗ là các loại gỗ quý, thuộc nhóm 1 và 2 theo cách phân loại của chính phủ Việt Nam. Tổng lượng nhập của 3 loại gỗ này trong năm 2015 khoảng 30.000 m<sup>3</sup>, chiếm khoảng 11% trong tổng lượng 10 loại gỗ có lượng nhập nhiều nhất.

Bảng 4. Mười loài gỗ tròn có lượng nhập từ Lào năm 2015 nhiều nhất

STT	Loại gỗ	Tên thương mại	Tên khoa học	Họ	Nhóm gỗ	Lượng nhập 2015 (m3)	Lượng nhập 2014 (m3)	Lượng nhập 2013 (m3)
1	Dầu	Keruing	Dipterocarpus alatus, D. costatus, Dipterocarpus spp.	Dipterocarpaceae	5	125.166	41.037	35.026
2	Sến	White Meranti	Shorea roxburghii	Dipterocarpaceae	3	48.537	25.082	22.343
3	Giổi	Magnolia wood	Magnolia champaca	Magnoliaceae	4	25.115	36.915	11.257
4	Xoan	Surian, toon, red cedar, Limpaga	Toona sureni	Meliaceae	6	12.923	5.842	4.620
5	Chò chỉ	White Seraya, Gerutu	Parashorea stellata	Dipterocarpaceae	3	12.014	12.699	20.479
6	Sa mu	Chinese fir	Cunninghamia konishii	Cupressaceae	1	10.897	12.287	5.255
7	Hương	Burma Padauk, Burmese rosewood, Narra, Sena (Malay)	Pterocarpus macrocarpus	Leguminosae	1	9.327	15.703	9.618
8	Kiền kiền	Merawan	Hopea pierrei	Dipterocarpaceae	2	8.966	13.312	3.330
9	Bằng lăng	crape myrtle, Bungor (Malay), Tabek (Thai), Banglang	Lagerstroemia paniculata	Lythraceae	3	7.477	5.635	15.533
10	Tếch	Teak	Tectona grandis	Verbenaceae	3	5.873	6.813	8.380

Bảng 5 cho thấy:

- Dầu, sến, giổi là 3 loại gỗ đứng đầu trong bảng xếp hạng về giá trị. Năm 2015, tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu của 3 loại gỗ này chiếm trên 65 triệu USD, gấp khoảng 2,5 lần tổng giá trị nhập khẩu của 7 loại gỗ còn lại trong nhóm 10 loại có giá trị nhập khẩu nhiều nhất.
- Trắc và gụ mật là 2 loại gỗ xuất hiện trong bảng về giá trị nhưng không xuất hiện trong bảng về khối lượng nhập khẩu. Điều này là do giá của các loại gỗ này cao.
- Có 4 loài gỗ thuộc nhóm 1 xuất hiện trong bảng giá trị.
- Giá trị nhập khẩu của gỗ dầu và trắc biến động rất lớn, theo chiều ngược nhau. Giá trị nhập khẩu của gỗ dầu năm 2015 (42,5 triệu USD) tăng gấp 5 lần giá trị nhập khẩu của loại gỗ này trong năm 2014 (8,4 triệu USD). Giá trị nhập khẩu gỗ trắc năm 2015 đạt 7,2 triệu USD, chỉ tương đương 11% giá trị nhập khẩu loại gỗ này năm 2014 (65,5 triệu USD).

Bảng 5. Mười loài gỗ tròn có giá trị nhập từ Lào nhiều nhất năm 2015

STT	Loại gỗ	Tên thương mại	Tên khoa học	Họ	Nhóm gỗ	2015 (Triệu USD)	2014 (Triệu USD)	2013 (Triệu USD)
1	Dầu	Keruing	Dipterocarpus alatus, D. costatus, Dipterocarpus spp.	Dipterocarpaceae	5	42,7	8,4	6,1
2	Sến	White Meranti	Shorea roxburghii	Dipterocarpaceae	3	12,4	5,6	4,8
3	Giổi	Magnolia wood	Magnolia champaca	Magnoliaceae	4	10,2	11,4	2,9
4	Hương	Burma Padauk, Burmese rosewood, Narra, Sena (Malay)	Pterocarpus macrocarpus	Leguminosae	1	7,4	11,7	6,7
5	Trắc	Siamese Rosewood	Dalbergia cochinchinensis	Leguminosae	1	7,2	65,5	84,9
6	Sa mu	Chinese fir	Cunninghamia konishii	Cupressaceae	1	3,2	3,4	1,8
7	Gụ mật	Sepetir, Memperas	Sindora siamen	Leguminosae	1	2,3	8,7	1,7
8	Xoan	Surian, toon, red cedar, Limpaga	Toona sureni	Meliaceae	6	2,3	1,0	0,8
9	Tếch	Teak	Tectona grandis	Verbenaceae	3	2,1	2,5	3,0
10	Chò chỉ	White Seraya, Gerutu	Parashorea stellata	Dipterocarpaceae	3	2,1	2,5	3,7

### 3.3. Các loại gỗ tròn nhóm 1-2 nhập khẩu từ Lào.

Mặc dù chính phủ Lào không áp dụng cách phân loại các loài gỗ theo 8 nhóm như của chính phủ Việt Nam, các loại gỗ có tên trong nhóm 1-2 của Việt Nam đều nằm trong danh sách các loại gỗ quý của Lào.

Bảng 6 chỉ ra khối lượng nhập khẩu các loại gỗ tròn thuộc nhóm 1 của Việt Nam được nhập khẩu từ Lào. Thông tin từ Bảng 6 cho thấy:

- Trong năm 2015 chỉ có 12 loại gỗ tròn thuộc nhóm 1 được nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam. Tuy nhiên chỉ có 5-6 loại có lượng nhập trên 1.000 m<sup>3</sup>. Các loại khác thường có số lượng nhập khẩu nhỏ.
- Sa mu, hương, gụ mật, pơ mu và trắc là các loại gỗ có lượng nhập khẩu lớn nhất.
- Lượng nhập khẩu của hầu hết các loại gỗ thuộc nhóm 1 trong năm 2015 đều giảm so với lượng nhập khẩu của các loại gỗ này các năm trước đó.
- Suy giảm về lượng gỗ thuộc nhóm 1 nhập khẩu từ Lào là do các chính sách của Chính phủ Việt Nam hạn chế việc tạm nhập tái xuất các loại gỗ tròn và gỗ xẻ có nguồn gốc từ Lào (Thông tư 37 của Bộ Công thương); chính sách của Chính phủ Lào trong việc hạn chế việc xuất khẩu gỗ nguyên liệu.<sup>8</sup> và do việc suy giảm nhu cầu tiêu thụ đặc biệt là tại thị trường Trung Quốc về các sản phẩm gỗ có nguồn gốc từ các loại gỗ quý.

---

<sup>8</sup> Thông tin tham có liên quan đến chính sách này có thể tham khảo tại website:  
[http://www.vientianetimes.org.la/FreeContent/FreeContent\\_Ministry%20imposes.htm](http://www.vientianetimes.org.la/FreeContent/FreeContent_Ministry%20imposes.htm)

Bảng 6. Các loại gỗ tròn nhóm 1 nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam

STT	Tên Việt Nam	Tên thương mại	Tên khoa học	Họ	Lượng nhập 2015 (m3)	Lượng nhập 2014 (m3)	Lượng nhập 2013 (m3)
1	Bách xanh	Chinese incense cedar, Yunnan cypress	Calocedrus macrolepis	Cupressaceae	18		
2	Cắm lai	Burmese Rosewood, Palisander	Dalbergia oliveri	Leguminosae	469	2.853	1.041
3	Gỗ đỏ	Ipil	Afzelia xylocarpa	Leguminosae	345	354	807
4	Gụ mật	Sepetir, Memperas	Sindora siamen	Leguminosae	4.933	24.057	4.907
5	Hồng Tùng	Sempilor	Dacrydium elatum	Podocarpaceae		472	
6	Huê	Jarum-jarum	Dysoxylon loureiri	Meliaceae			1
7	Hương	Burma Padauk, Burmese rosewood, Narra, Sena (Malay)	Pterocarpus macrocarpus	Leguminosae	9.327	15.703	9.618
8	Lát hoa	Surian batu, chickrassy, yonhim, yinma, Burma almond wood, East Indian mahogany, Indian red	Chukrasia tabularis	Meliaceae	394	744	1.297
9	Mun	Black-and-white ebony, pale moon ebony	Diospyros malabarica	Ebenaceae	2	8	11
10	Pơ mu	Fujian cypress	Fokienia hodginsii	Cupressaceae	2.860	2.383	1.479
11	Sa mu	Chinese fir	Cunninghamia konishii	Cupressaceae	10.897	12.287	5.255
12	Sơn huyết	Rengas	Melanorrhoea laccifera	Anacardiaceae	111	538	411
13	Trai	Malabera, Tembusu	Fagraea fragrans	Loganiaceae	122	636	
14	Trắc	Siamese Rosewood	Dalbergia cochinchinensis	Leguminosae	2.516	24.251	32.870

Bảng 7 chỉ ra các loại gỗ thuộc nhóm 2 theo cách phân loại của Việt Nam được nhập khẩu từ Lào. Các thông tin trong bảng này cho thấy:

- Có 9 loại gỗ tròn thuộc có tên trong nhóm 2 của Việt Nam được nhập khẩu từ Lào trong năm 2015, trong đó chỉ có 4 loại có lượng nhập khẩu trên 1000 m<sup>3</sup>.
- Các loại gỗ tròn có lượng nhập lớn nhất bao gồm kiền kiền, sao xanh và căm xe.
- Căm xe và lim xanh là 2 loài có lượng nhập khẩu năm 2015 tăng so với lượng nhập khẩu các loài này 1 năm trước đó. Tuy nhiên lượng tăng không nhiều.
- Sao xanh, táu mật và kiền kiền là 3 loài có lượng nhập khẩu năm 2015 giảm mạnh so với lượng nhập khẩu các loài này năm 2014.

Nhìn chung trong giai đoạn 2014-2015 lượng nhập của các loài gỗ thuộc nhóm 2 theo cách phân loại của Việt Nam giảm trong giai đoạn 2014-2015. Các nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm về lượng nhập giống với các nguyên nhân đã đề cập trong phần 3.3 ở trên.

Bảng 7. Các loại gỗ tròn nhóm 2 nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam

STT	Tên VN	Tên thương mại	Tên khoa học	Họ	Lượng nhập 2015 (m3)	Lượng nhập 2014 (m3)	Lượng nhập 2013 (m3)
1	Cà chắc	Balau. Burma Sal. Siamese Sal. Thitya	Shorea obtusa	Dipterocarpaceae	93	121	231
2	Cắm xe	Batal. Pyinkado	Xylia xylocarpa	Leguminosae	3.344	1.690	1,673
3	Kiền kiền	Merawan	Hopea pierrei	Dipterocarpaceae	8.966	13.312	3.330
4	Lim xanh	Indochina ironwood	Erythrophloeum fordii	Leguminosae	1.264	140	2.368
5	Nghiến		Parapentace tonkinensis Gagnep	Malvaceae	949	511	38
6	Sao xanh	Giam. Malut; Chengal Batu	Hopea ferrea	Dipterocarpaceae	5.614	11.770	11.031
7	Song xanh				271	865	1.091
8	Táu mật	Resak (Malaysia and Indonesia)	Vatica odorata	Dipterocarpaceae	844	17.923	2.304
9	Xoay	Keranji. keranji kertas kecil	Dialium cochinchinense	Leguminosae	815	466	390

Trong năm 2015 tổng lượng các loại gỗ tròn thuộc nhóm 1 và 2 được nhập từ Lào vào Việt Nam đạt hơn 54.000 m<sup>3</sup>, chiếm 16,8% trong tổng toàn bộ lượng gỗ tròn nhập khẩu từ Lào (321.700 m<sup>3</sup>). Tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với tỷ lệ của các loài gỗ thuộc 2 nhóm này được nhập khẩu vào Việt Nam năm 2014 (42,5%). Bảng 8 chỉ ra lượng nhập khẩu của các loài gỗ thuộc nhóm 1 và 2 và tỷ lệ các loài này trong tổng số lượng gỗ tròn nhập khẩu từ Lào trong giai đoạn 2013-2015.

Bảng 8. Lượng gỗ tròn nhóm 1-2 nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam 2013-2015

Nhóm gỗ	Lượng nhập 2015 (m <sup>3</sup> )	Lượng nhập 2014 (m <sup>3</sup> )	Lượng nhập 2013 (m <sup>3</sup> )
Nhóm 1	32.000	84.300	57.700
Nhóm 2	22.200	46.800	22.500
<b>Tổng nhóm 1 và 2</b>	<b>54.200</b>	<b>131.100</b>	<b>80.200</b>
<b>Tổng lượng gỗ tròn nhập khẩu</b>	<b>321.700</b>	<b>308.600</b>	<b>225.800</b>
Tỷ lệ nhóm 1- 2 trong tổng lượng nhập khẩu	16,8%	42,5%	35,5%

Các loài gỗ quý có giá trị thị trường cao, thuộc nhóm 1 và 2, chủ yếu được nhập khẩu vào Việt Nam để xuất khẩu sang Trung Quốc và Hồng Kông theo hình thức tạm nhập tái xuất hoặc ở dạng bán thành phẩm. Một lượng gỗ nhập khẩu thuộc các nhóm này được sử dụng nội địa. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có những thông tin nhằm xác định lượng gỗ thuộc nhóm 1, 2 được nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam được xuất khẩu là bao nhiêu? Liệu các loại gỗ nằm trong các nhóm này có được xuất khẩu sang các thị trường như Mỹ, EU hay không? Có bao nhiêu loại gỗ nhập khẩu từ Lào thuộc các nhóm này được sử dụng tại thị trường nội..

## 4. Việt Nam nhập khẩu gỗ xẻ từ Lào

### 4.1. Một số nét chung

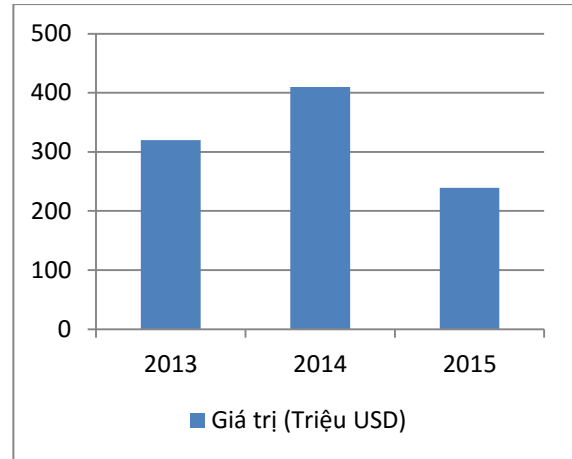
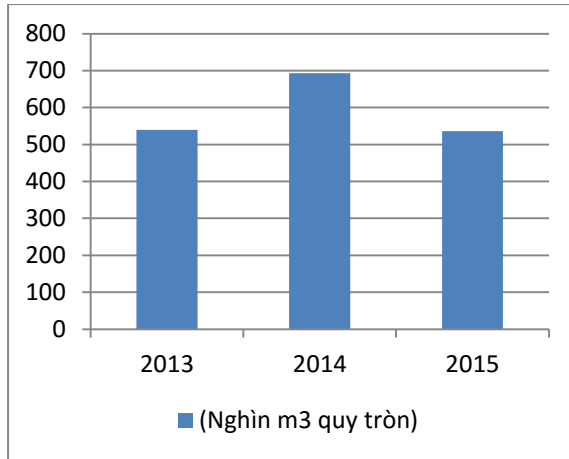
Lào một trong những quốc gia cung cấp gỗ xẻ quan trọng nhất của Việt Nam. Lượng và kim ngạch nhập khẩu hàng năm từ quốc gia này rất lớn. Bảng 9 chỉ ra lượng và kim ngạch nhập khẩu từ nguồn này giai đoạn 2013-2015. Hình 5,6 chỉ ra xu hướng thay đổi về lượng và giá trị nhập khẩu trong giai đoạn này.

Bảng 9. Khối lượng và giá trị gỗ xẻ nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam

Năm	Lượng nhập (m <sup>3</sup> )	Lượng nhập quy tròn(m <sup>3</sup> )	Giá trị (Triệu USD)
2013	385.500	539.700	319.8
2014	495.100	693.200	410.0
2015	383.100	536.400	239.2

Hình 5. Xu hướng thay đổi về lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ Lào

Hình 6. Xu hướng thay đổi giá trị gỗ xẻ nhập khẩu từ Lào



Thông tin từ Bảng 9, Hình 5 và 6 cho thấy:

- Khối lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ Lào năm 2015 giảm nhiều so với lượng nhập khẩu của năm 2014, khoảng gần 157.000 m<sup>3</sup> gỗ quy tròn và gần 171 triệu USD về kim ngạch.
- Xu hướng nhập khẩu gỗ xẻ giai đoạn 2013-2014 có xu hướng ngược lại. Cụ thể, lượng nhập khẩu năm 2014 tăng trên 153.000 m<sup>3</sup> gỗ quy tròn so với lượng nhập năm 2013. Giá trị kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ năm 2014 tăng hơn 90 triệu USD so với giá trị nhập khẩu năm 2013.

Suy giảm về khối lượng và giá trị gỗ xẻ nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam trong năm 2015 do các nguyên nhân chính đã đề cập trong phần 3.3 ở trên.

Mỗi năm Việt Nam nhập khoảng 60-70 loại gỗ xẻ khác nhau từ Lào. Cụ thể năm 2015 Việt Nam nhập 66 loại thuộc 7 nhóm khác nhau theo cách phân loại của Việt Nam. Bảng 10 chỉ ra lượng và giá trị nhập khẩu của loài gỗ từ Lào, được phân theo các nhóm khác nhau.

Bảng 10. Các nhóm gỗ xẻ nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam giai đoạn 2013-2015

Nhóm gỗ	2013		2014		2015	
	Lượng nhập (m <sup>3</sup> )	Giá trị (triệu USD)	Lượng nhập (m <sup>3</sup> )	Giá trị (Triệu USD)	Lượng nhập (m <sup>3</sup> )	Giá trị (triệu USD)
1	235.900	270,4	320.000	355,7	187.300	175,5
2	50.500	25,7	61.500	27,9	60.900	33,6
3	23.400	5,9	32.200	7,4	31.600	6,9
4	32.300	9,2	34.100	9,1	39.000	10,2
5	7.000	1,7	7.900	2,3	14.500	3,4
6	35.200	6,7	33.700	6,6	42.900	8,2
7	1.100	0,2	5.800	1,0	7.000	1,3
Tổng số	385.500	319,8	495.100	410,0	383.100	239,2

#### 4.2. Nhập khẩu các loại gỗ quý từ Lào.

Gỗ xẻ được nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam chủ yếu là các loài gỗ quý. Bảng 11 chỉ lượng và giá trị kim ngạch của từng loại gỗ và nhóm gỗ được nhập khẩu từ Lào.

Bảng 11. Các loài gỗ xẻ nhập khẩu từ Lào

Tên (nhóm gỗ)	2013		2014		2015	
	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)
<b>Tổng</b>	<b>385.500</b>	<b>319.8</b>	<b>494.900</b>	<b>410.0</b>	<b>383.100</b>	<b>239.2</b>
Hương (1)	121.800	135.0	176.800	199.9	90.100	104.3
Cắm lai (1)	49.400	77.9	59.200	93.5	11.600	17.8
Trắc (1)	5.400	21.8	2.100	9.2	507	2.1
Gụ mật (1)	31.100	18.2	51.000	28.9	55.800	32.9
Lim xanh (2)	20.700	15.3	18.500	13.9	30.600	23.0
Gỗ đỏ (1)	10.900	9.4	14.500	12.6	11.000	9.7
Cắm xe (2)	6.100	3.6	3.900	2.3	6.600	3.9

Khối lượng và giá trị nhập khẩu các loài gỗ xẻ năm 2015, đặc biệt là đối với các loài gỗ thuộc nhóm gỗ quý giảm mạnh. Các lý do chính đã đề cập trong phần 3.3.

Lượng gỗ xẻ thuộc là gỗ quý (nhóm 1-2) được nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam chiếm tỉ trọng lớn, trung bình 60-70% trong tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ nguồn này (Bảng 12). Cụ thể, trong năm 2013 lượng nhập các loài gỗ thuộc nhóm 1-2 chiếm 74,3% trong tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu. Tuy tỉ trọng về lượng nhập các loài gỗ nhóm 1-2 giảm xuống còn gần 65% năm 2015, lượng nhập của các loại thuộc 2 nhóm này vẫn rất lớn, khoảng gần 250.000 m3.

Về giá trị, các loại gỗ nhóm 1-2 chiếm khoảng 90% trong tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu của tất cả các loại gỗ xẻ nhập khẩu từ Lào (Bảng 12).

Bảng 12. Gỗ xẻ thuộc nhóm 1-2 nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam.

Các thông số	2013	2014	2015
Lượng gỗ xẻ nhóm 1- 2 nhập khẩu từ Lào (m3)	286.400	381.500	248.200
Lượng gỗ xẻ nhóm 1-2/ tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu	74,3%	77%	64,8%
Giá trị gỗ xẻ nhóm 1- 2 nhập khẩu từ Lào (triệu USD)	296,1	383,6	209,1
Giá trị gỗ xẻ nhóm 1-2/ tổng giá trị gỗ xẻ nhập khẩu	92,6%	93,6%	87,4%

Năm 2015 Việt Nam nhập khẩu 13 loại gỗ xẻ có tên trong danh sách các loại thuộc nhóm 1 của Việt Nam. Chỉ có khoảng 1/2 trong số này có lượng nhập khẩu lớn (Bảng 15), điển hình là các loài gỗ như hương, gụ và cắm. Mặc dù lượng nhập các loài này trong năm 2015 có sụt giảm so với 2014, khối lượng nhập khẩu vẫn ở mức cao.

Nhập khẩu gỗ trắc từ Lào trong năm 2015 giảm rất nhiều so với lượng nhập của các năm trước đó. Lý do chính là do cơ quan CITES đưa loài gỗ này vào Phụ lục 2 của Công ước CITES, nhằm hạn chế thương mại đối với loại gỗ này.<sup>9</sup> Bên cạnh còn có các lý do đã đề cập trong phần 3.3.

<sup>9</sup> Thông tin có liên quan đến các quy định của Cơ quan CITES có liên quan đến loài gỗ này có thể tham khảo tại bài viết trên Báo Hải quan, theo trang web: <http://www.baohaiquan.vn/Pages/Go-trac-XNK-phai-co-giay-phep-cua-Cites.aspx>

Trong năm 2015, lượng nhập đối với loại gỗ gụ mật và lát hoa tăng so với lượng nhập của năm 2014.

Ngoài 6-7 loài có số lượng nhập tương đối lớn, các loại còn lại thuộc nhóm 1 được nhập khẩu từ Lào có lượng nhập không đáng kể.

Tổng số có 10 loài gỗ xẻ thuộc nhóm 2 được nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam trong năm 2015. Lượng nhập của từng loại cụ thể được thể hiện trong bảng 14.

Trong nhóm 2, các loài gỗ có lượng nhập khẩu nhiều nhất gồm lim xanh, kiền kiền, nghiến và căm xe. Năm 2015 lượng gỗ lim xanh và căm xe nhập khẩu tăng so với năm 2014. Ngược lại lượng kiền kiền và nghiến giảm.

Nhìn chung, giống như các loại gỗ xẻ trong nhóm 1, các loài gỗ xẻ trong nhóm 2 nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam trong năm 2015 giảm so với 2014.

Các loài gỗ xẻ có tên trong nhóm 1-2 được nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam chủ yếu được sử dụng để xuất khẩu sang Trung Quốc, Hồng Kông và sử dụng nội địa. Tuy nhiên hiện vẫn chưa có thông tin cụ thể về lượng các loại gỗ này được xuất khẩu sang Trung Quốc và Hồng Kông là bao nhiêu? lượng sử dụng tại thị trường nội địa là bao nhiêu? Và liệu các loài gỗ thuộc các nhóm này có được xuất khẩu sang các nước như Mỹ và EU hay không

Bảng 13. Các loại gỗ xẻ nhóm 1 nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam

STT	Tên gỗ	Tên thương mại	Tên khoa học	Họ	Lượng nhập 2013 (m3)	Lượng nhập 2014 (m3)	Lượng nhập 2015 (m3)
1	Bách xanh	Chinese incense cedar. Yunnan cypress	Calocedrus macrolepis	Cupressaceae			90
2	Cẩm lai	Burmese Rosewood. Palisander	Dalbergia oliveri	Leguminosae	49.426	59.211	11.615
3	Đinh hương		Syzygium aromaticum	Myrtaceae	11	0	65
4	Gỗ đỏ	Ipil	Afzelia xylocarpa	Leguminosae	10.924	14.505	10.955
5	Gụ mật	Sepetir. Memperas	Sindora siamen	Leguminosae	31.084	51.028	55.829
6	Hồng Tùng	Sempilor	Dacrydium elatum	Podocarpaceae	2.392	1.221	4.637
7	Hương	Burma Padauk. Burmese rosewood. Narra. Sena (Malay)	Pterocarpus macrocarpus	Leguminosae	121.850	176.834	90.115
8	Lát hoa	Surian batu. Chittagong wood.chickrassy.yonhim.yinma. Burma almond wood. East Indian mahogany.Indian red	Chukrasia tabularis	Meliaceae	559	1.650	4.463
9	Mạ lay		Gigantochloa albociliata		0	1	0
10	Mun	Black-and-white ebony. pale moon ebony	Diospyros malabarica	Ebenaceae	1.613	4.101	2.250
11	Pơ mu	Fujian cypress	Fokienia hodginsii	Cupressaceae	9.549	4.735	3.383
12	Sa mu	Chinese fir	Cunninghamia konishii	Cupressaceae	2.893	3.833	2.485
13	Sơn huyết	Rengas	Melanorrhoea laccifera	Anacardiaceae	174	702	725
14	Trai	Malabera. Tembusu	Fagraea fragrans	Loganiaceae	13	29	160
15	Trắc	Siamese Rosewood	Dalbergia cochinchinensis	Leguminosae	5.388	2.110	507

Bảng 14. Các loại gỗ xẻ thuộc nhóm 2 được nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam

STT	Tên gỗ	Tên thương mại	Tên khoa học	Họ	Lượng nhập 2013 (m3)	Lượng nhập 2014 (m3)	Lượng nhập 2015 (m3)
1	Cà chắc	Balau. Burma Sal. Siamese Sal. Thitya	<i>Shorea obtusa</i>	Dipterocarpaceae	1.923	1.204	465
2	Cắm xe	Batal. Pyinkado	<i>Xylia xylocarpa</i>	Leguminosae	6.145	3.884	6.560
3	Kiền kiền	Merawan	<i>Hopea pierrei</i>	Dipterocarpaceae	12.718	24.401	11.883
4	Lim xanh	Indochina ironwood	<i>Erythrophloeum fordii</i>	Leguminosae	20.664	18.487	30.645
5	Mài lái				0	0	2
6	Nghiến		<i>Parapentace tonkinensis</i> Gagnep		6.785	10.848	7.469
7	Sao xanh	Giam. Malut; Chengal Batu	<i>Hopea ferrea</i>	Dipterocarpaceae	1.938	594	1.608
8	Song xanh					18	21
9	Táu mật	Resak (Malaysia and Indonesia)	<i>Vatica odorata</i>	Dipterocarpaceae	263	1.487	1.255
10	Xoay	Keranji. keranji kertas kecil	<i>Dialium cochinchinense</i>	Leguminosae	95	589	1.011

## 5. Các cửa khẩu nhập khẩu gỗ từ Lào vào Việt Nam

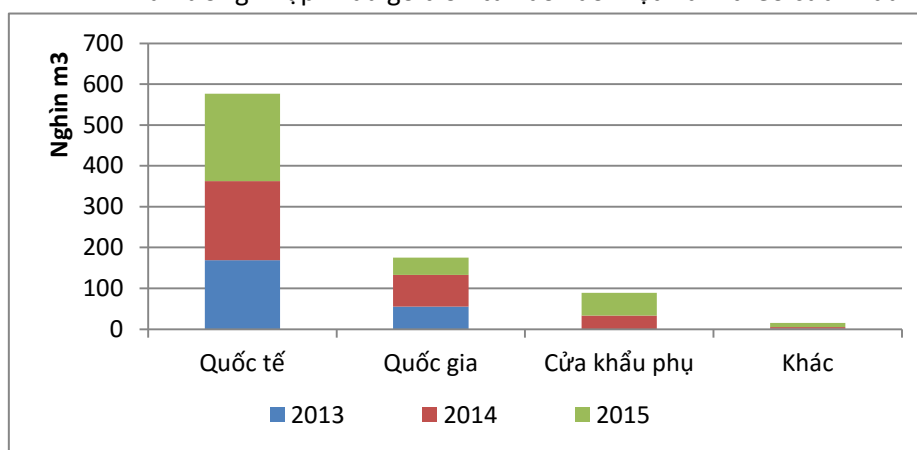
### 5.1. Một số nét chung

Gỗ nguyên liệu từ Lào được nhập khẩu vào Việt Nam thông qua 9 cửa khẩu quốc tế, 32 cửa khẩu chính, 2 cửa khẩu phụ và một vài cửa khẩu khác.<sup>10</sup> Bảng 15 và Hình 7 chỉ ra lượng nhập và xu hướng nhập gỗ tròn qua các loại hình cửa khẩu khác nhau. Bảng 16 và Hình 8 chỉ ra xu hướng nhập khẩu các loại gỗ xẻ từ nguồn này.

Bảng 15. Nhập khẩu gỗ tròn từ Lào vào Việt Nam theo cửa khẩu

Cửa khẩu	Lượng nhập 2013 (m3)	Lượng nhập 2014 (m3)	Lượng nhập 2015 (m3)
Quốc tế	168.800	193.800	214.000
Quốc gia	55.400	77.600	42.300
Cửa khẩu phụ	0	33.400	55.700
Cửa khẩu khác	1.600	3.800	9.700

Hình 7. Xu hướng nhập khẩu gỗ tròn từ Lào vào Việt Nam theo cửa khẩu



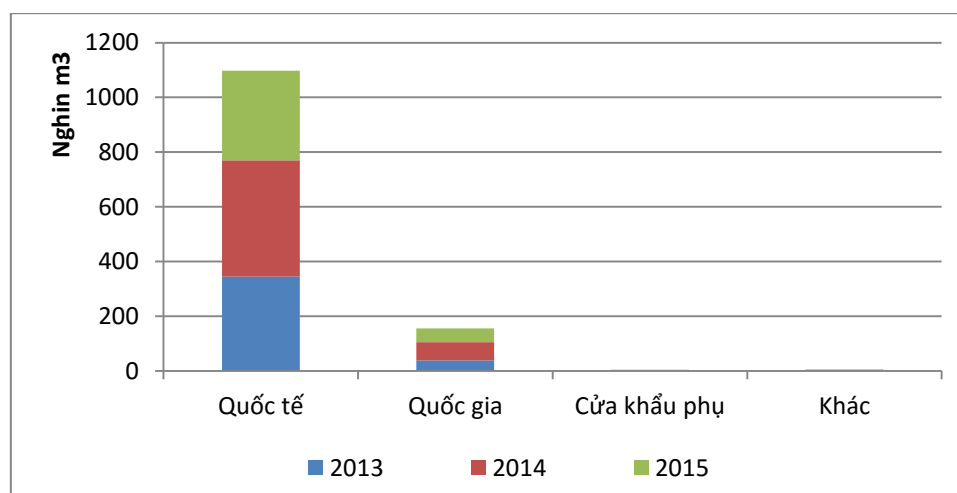
Bảng 16. Nhập khẩu gỗ xẻ từ Lào vào Việt Nam theo cửa khẩu

Cửa khẩu	Lượng nhập 2013 (m3)	Lượng nhập 2014 (m3)	Lượng nhập 2015 (m3)
Quốc tế	345.518	424.252	327.939
Quốc gia	38.751	66.837	49.795
Cửa khẩu phụ	0	1.952	2.720
Cửa khẩu khác	1.216	2.085	2.695

<sup>10</sup> Chi tiết về sự khác nhau về các loại cửa khẩu biên giới đất liền được quy định trong Nghị định 112 của Chính phủ ngày 21 tháng 11 năm 2014. Thông tin tham khảo tại website: <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Nghi-dinh-112-2014-ND-CP-quan-ly-cua-khau-bien-gioi-dat-lien-258205.aspx>

Gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam chủ yếu qua các cửa khẩu Quốc tế. Có thể lý do là bởi hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ tại các cửa khẩu Quốc tế thường phát triển hơn các loại hình cửa khẩu khác, tạo điều kiện cho việc thông thương hàng hóa được dễ dàng.

Hình 8. Xu hướng nhập khẩu gỗ xẻ từ Lào vào Việt Nam theo cửa khẩu



Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam qua các cửa khẩu Quốc tế chiếm 70-80% trong tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

## 5.2. Các cửa khẩu nhập khẩu chính

Bảng 17 chỉ ra 6 cửa khẩu quan trọng nhất được sử dụng để nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Lào. Hình 9 và 10 chỉ ra sự khác nhau về lượng và giá trị nhập khẩu đối giữa các cửa khẩu.

Bảng 17. Các cửa khẩu chính nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Lào vào Việt Nam năm 2015.

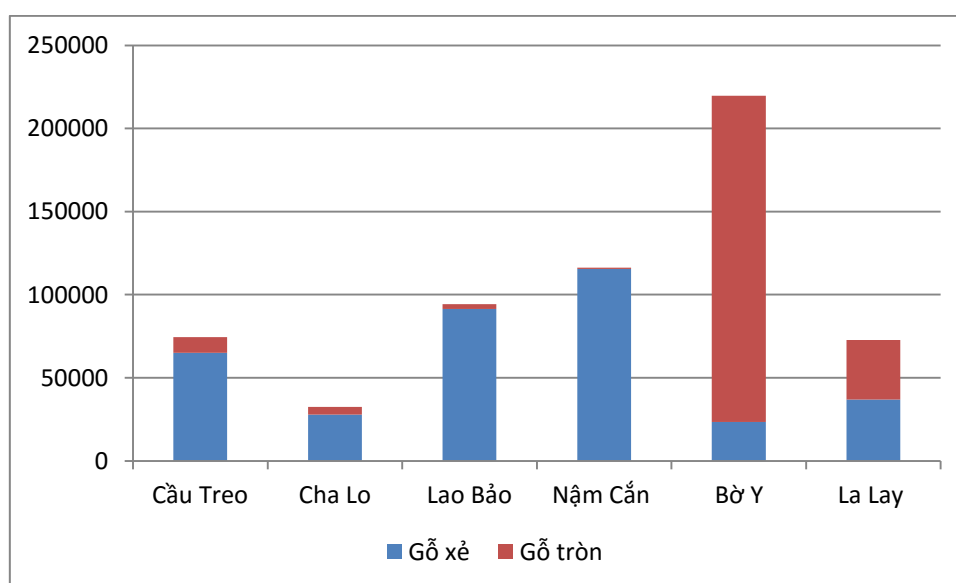
Cửa khẩu	Gỗ xẻ (m <sup>3</sup> )	Gỗ xẻ (Triệu USD)	Gỗ tròn (m <sup>3</sup> )	Gỗ tròn (triệu USD)
Cầu Treo (Hà Tĩnh)	65.000	27,3	9.500	2,7
Cha Lo (Quảng Bình)	27.800	21,0	4.700	1,8
Lao Bảo (Quảng Trị)	91.400	89,1	2.800	6,2
Nậm Cắn	115.500	24,5	748	0,2
Bờ Y	23.500	23,1	196.100	67,4
La Lay	36.900	44,1	35.800	14,9

Các thông số từ Bảng 17, Hình 9 và 10 cho thấy:

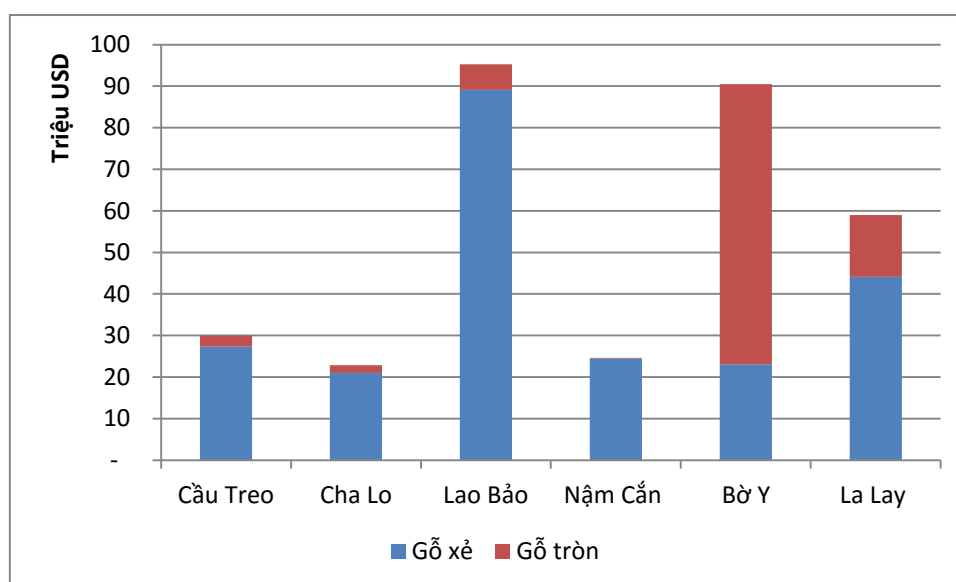
- Trừ cửa khẩu Bờ Y, gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Lào qua 6 cửa khẩu quan trọng nhất chủ yếu là gỗ xẻ, là các loại gỗ quý, có giá trị thị trường rất cao.
- Thực trạng nhập khẩu về gỗ tròn và gỗ xẻ cũng như các chủng loại gỗ rất khác nhau giữa các cửa khẩu.
- Tính về lượng nhập, Bờ Y là cửa khẩu có lượng gỗ nhập năm 2015 lớn nhất, kế tiếp là cửa khẩu Nậm Cắn, Lao Bảo, Cầu Treo và La Lay.
- Tính về kim ngạch, Lao Bảo là cửa khẩu có ngạch nhập khẩu năm 2015 lớn nhất, kế tiếp đến là Bờ Y, La Lay và Cầu Treo

- Gỗ nhập khẩu qua cửa khẩu Bờ Y chủ yếu là gỗ tròn. Gỗ nhập khẩu qua cửa khẩu Lao Bảo, Nậm Cắn và Cầu Treo chủ yếu là gỗ xẻ.
- Mặc dù lượng gỗ nhập khẩu qua cửa khẩu Bờ Y lớn nhất, kim ngạch nhập khẩu qua cửa khẩu này lại thấp hơn kim ngạch của cửa khẩu Lao Bảo. Điều này có nghĩa là các loài gỗ tròn nhập khẩu thông thường là các loài gỗ có giá trị thấp hơn các loài gỗ xẻ nhập khẩu.
- Mặc dù lượng nhập khẩu không phải lớn nhất, giá trị nhập khẩu qua cửa khẩu Lao Bảo đạt cao nhất. Điều này có nghĩa rằng các loại gỗ nhập khẩu qua cửa khẩu là các loại gỗ rất quý, có giá trị thị trường cao.

Hình 9. Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam qua các cửa khẩu chính năm 2015



Hình 10. Kim ngạch gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam qua các cửa khẩu chính năm 2015



## 6. Kết luận

Lào đã và vẫn tiếp tục là quốc gia quan trọng nhất trong việc cung cấp nguồn gỗ nguyên liệu cho Việt Nam. Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam hàng năm lên tới 0,7-0,8 triệu m<sup>3</sup> gỗ quy tròn, với trên 70 loại gỗ khác nhau, tương đương với khoảng 300-400 triệu USD về kim ngạch.

Gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam, đặc biệt là gỗ xẻ chủ yếu là các loại gỗ quý, có giá trị thị trường cao. Nguồn gỗ này chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc, Hồng Kông và Ấn Độ thông qua các hình thức tạm nhập tái xuất hoặc qua các sản phẩm bán thành phẩm. Một phần của lượng gỗ nhập khẩu, đặc biệt là các loại gỗ có giá trị thị trường thấp hơn được sử dụng cho thị trường nội địa. Tuy nhiên đến nay chúng ta vẫn chưa có thông tin về lượng gỗ Lào được nhập khẩu vào Việt Nam được xuất đi các quốc gia khác và được tiêu thụ tại Việt Nam là bao nhiêu, và liệu gỗ từ Lào nhập khẩu vào Việt Nam có được xuất khẩu đi các nước như Mỹ, EU và Úc hay không. Đây là những câu hỏi quan trọng đòi hỏi cần giải quyết trong các nghiên cứu tiếp theo trong thời gian tới.

Mặc dù lợi ích của nguồn cung gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Lào rất quan trọng đối với Việt Nam, với một tỉ lệ các loài gỗ quý nằm trong nhóm 1-2 trong cơ cấu nhập khẩu ngành chế biến gỗ Việt Nam đang đối mặt với những rủi ro rất lớn về tính hợp pháp của nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu. Đã có một số nghiên cứu chỉ ra điều này.<sup>11</sup> Hiện Trung Quốc và thị trường nội địa của Việt Nam chưa có những yêu cầu chặt chẽ về kiểm soát chuỗi cung nhằm loại bỏ gỗ có rủi ro về mặt pháp lý ra khỏi chuỗi cung. Tuy nhiên, trong bối cảnh ngành gỗ hội nhập sâu rộng với thị trường Quốc tế, sử dụng nguồn cung gỗ nguyên liệu từ Lào, đặc biệt đối với các loại gỗ quý, có độ rủi ro cao đang và sẽ tiếp tục làm ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh của toàn ngành chế biến gỗ của Việt Nam, gây tổn thương cho thương mại các sản phẩm gỗ của quốc gia.

Trong thời gian tới Chính phủ Việt Nam có thể sẽ đưa ra những cơ chế chặt chẽ hơn nhằm kiểm soát nguồn gỗ nhập khẩu nói chung và nguồn cung nguyên liệu gỗ từ Lào nói riêng. Tuy nhiên, kiểm soát hiệu quả tính hợp pháp của nguồn cung gỗ từ Lào sẽ là những thách thức cho các cơ quan quản lý, không phải chỉ bởi một lượng gỗ rất lớn được nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam hàng năm mà còn cả bởi một số lượng đa dạng các loài gỗ nhập khẩu cũng các cửa khẩu nhập khẩu. Bên cạnh đó, những khác biệt trong các cơ chế kiểm soát xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Lào cũng có thể tạo ra những khó khăn dẫn đến hạn chế về hiệu quả của các cơ chế này.

Sự sụt giảm về cả lượng nhập và giá trị nhập khẩu nguồn cung gỗ từ Lào đặc biệt là đối với gỗ xẻ thuộc nhóm gỗ quý trong năm 2015 so với các năm trước đó cho thấy những tín hiệu tích cực về hiệu quả của chính sách của Chính phủ Lào và Việt Nam trong việc kiểm soát thương mại gỗ giữa 2 quốc gia. Điều này có nghĩa rằng các rủi ro trong thương mại gỗ giữa 2 quốc gia có thể được kiểm

---

<sup>11</sup> Đối với nguồn gỗ được khai thác từ Lào, một báo cáo nghiên cứu về tính hợp pháp của nguồn gỗ được khai thác từ Lào đã chỉ ra rằng hầu hết gỗ được khai thác từ quốc gia này là gỗ bất hợp pháp. Thông tin chi tiết về các kết quả nghiên cứu có thể tham khảo tại website: <https://app.box.com/s/lo!90n4su2pg3zqnu3lkqpr7hjpzoiem>. Báo cáo của Tổ chức Chatham House công bố năm 2014 cũng chỉ ra tình trạng gỗ lậu phổ biến tại quốc gia này, với các nguyên nhân chủ yếu do khung pháp lý có liên quan đến sử dụng và quản lý rừng yếu kém, thậm chí mâu thuẫn với nhau, sự vênh nhau trong cách thức thực hiện các chính sách lâm nghiệp giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương và sự thiếu vắng cơ chế giám sát hiệu quả trong việc hình thành và thực hiện các chính sách lâm nghiệp của Nhà nước. Thông tin chi tiết về Báo cáo này tham khảo tại website: [http://indicators.chathamhouse.org/sites/files/reports/CHHJ2363\\_Laos\\_Logging\\_Research\\_Paper\\_FINAL\\_FOR\\_RELEASE.pdf](http://indicators.chathamhouse.org/sites/files/reports/CHHJ2363_Laos_Logging_Research_Paper_FINAL_FOR_RELEASE.pdf).

soát hiệu quả nếu Chính phủ Lào và Việt Nam có những cam kết chính trị và hợp tác mạnh mẽ nhằm xác định và giải quyết rủi ro trong nguồn cung gỗ nguyên liệu từ Lào.

Loại bỏ các rủi ro có liên quan đến tính hợp pháp của gỗ nhập khẩu cũng cần có sự đồng thuận từ cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hiện đang trực tiếp tham gia vào thương mại gỗ giữa 2 quốc gia và các doanh nghiệp hiện đang sử dụng gỗ nguyên liệu từ nguồn này. Loại bỏ rủi ro trong thương mại gỗ nói chung và đặc biệt trong nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Lào sẽ góp phần trực tiếp vào sự phát triển bền vững của ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh ngành đang hội nhập sâu rộng đối với thị trường Quốc tế.